

BÁO CÁO
TÌNH HÌNH KINH TẾ - XÃ HỘI
THÁNG 11 VÀ 11 THÁNG NĂM 2022
TỈNH HÀ NAM

I. KINH TẾ

1. Nông nghiệp, lâm nghiệp và thủy sản

Sản xuất nông nghiệp trong tháng 11 hoàn thành công tác thu hoạch lúa và hoa màu vụ mùa, tập trung cho công tác chăm sóc, gieo trồng cây màu vụ đông. Chủ động phòng chống dịch bệnh cho đàn gia súc, gia cầm trong thời tiết giao mùa. Công tác bảo vệ rừng, chăm sóc cây lâm nghiệp, cây trồng phân tán được quan tâm. Sản xuất thủy sản trên địa bàn tỉnh giữ ổn định, các hộ nuôi trồng đẩy mạnh đầu tư thâm canh tăng năng suất phục vụ nhu cầu cuối năm.

a. Nông nghiệp

- Tiến độ gieo trồng vụ Đông 2022-2023

Tính đến trung tuần tháng 11, tổng diện tích gieo trồng cây vụ đông đạt 7.746 ha, bằng 79,7% kế hoạch, trong đó ngô 2.134 ha, đậu tương 336 ha, khoai lang 247,5 ha, lạc 96 ha, rau đậu các loại 4.787,1 ha...

Diện tích lúa vụ mùa thu hoạch muộn tuy nhiên các địa phương đã chủ động gieo bầu đối với những cây trồng vụ đông ưa ấm, bố trí cơ cấu cây trồng phù hợp đảm bảo đúng lịch thời vụ, đồng thời đảm bảo nguồn nước tưới, tập trung chăm sóc và phòng trừ một số loại sâu bệnh hại, như: sâu keo mùa thu, sâu xanh, sâu khoang, bọ trĩ, rệp, bệnh đốm lá, bệnh virus khảm lá, bệnh giả sương mai, héo xanh, chuột hại...

- Tình hình chăn nuôi

Tình hình chăn nuôi trên địa bàn tỉnh trong tháng giữ ổn định, không phát sinh dịch bệnh nguy hiểm trên đàn gia súc, gia cầm. Giá thịt lợn hơi và giá thịt gia cầm ít biến động¹, tạo tâm lý cho người chăn nuôi yên tâm tái đàn phục vụ nhu cầu cuối năm. Ước tính số lượng đầu con gia súc, gia cầm thời điểm 30/11/2022: đàn trâu đạt 3.590 con, giảm 1,6%²; đàn bò là 33.120 con, tăng 1,1%; tổng đàn lợn 371,8 nghìn con, tăng 0,4%; đàn gia cầm 8,7 triệu con, tăng 3,1% so cùng kỳ.

¹ Giá thịt lợn hơi hiện dao động từ 55-57 nghìn đồng/kg, giá thịt gà ta từ 90-110 nghìn đồng/kg.

²Đàn trâu giảm quy mô, nguyên nhân do bãi chăn thả bị thu hẹp.

Công tác tiêm vắc-xin phòng bệnh cho đàn gia súc, gia cầm luôn được quan tâm, giúp ngăn ngừa dịch bệnh. Mặt khác, để chủ động ngăn ngừa các loại dịch bệnh nguy hiểm, Chi cục Thú y tỉnh đã hướng dẫn các quy trình kỹ thuật chăm sóc, nuôi dưỡng, vệ sinh khử trùng, tiêu độc chuồng trại cho các hộ chăn nuôi trên địa bàn, nhất là các hộ chăn nuôi có quy mô gia trại, trang trại; đồng thời tăng cường công tác kiểm tra giám sát phát hiện dịch bệnh gia súc, gia cầm đối với các hộ chăn nuôi, các cơ sở kinh doanh, buôn bán, vận chuyển giết mổ gia súc, gia cầm.

b. Lâm nghiệp

Thời tiết thuận lợi, các cây lâm nghiệp, cây trồng nhân dân sinh trưởng và phát triển tốt. Các đơn vị lâm nghiệp đã chủ động làm tốt công tác chuẩn bị mặt bằng, ươm cây giống, tập trung trồng cây bóng mát, cây lấy gỗ tại các tổ chức, trường học; cây bóng mát quanh khuôn viên khu tưởng niệm, các công ty, xã, phường, thị trấn và các khu công sở theo kế hoạch. Tình hình khai thác gỗ khá thuận lợi do thị trường tiêu thụ ổn định, giá tiêu thụ các loại lâm sản chủ yếu vẫn duy trì ở mức cao; cùng với đó các ngành chức năng cũng tăng cường công tác tuyên truyền về pháp luật bảo vệ rừng, bảo vệ môi trường sinh thái, các chính sách liên quan đến đất đai, đến phát triển và bảo vệ rừng.

c. Thủy sản

Sản xuất thủy sản trên địa bàn tỉnh trong tháng 11 tiếp tục giữ ổn định. Để đảm bảo nguồn cung phục vụ nhu cầu cuối năm, các hộ nuôi trồng đẩy mạnh đầu tư thâm canh tăng năng suất. Nuôi trồng thủy sản của tỉnh hiện nay không chỉ nuôi cá đơn thuần mà đã đa dạng hóa con nuôi, một số hộ đã canh tác chuyên canh đưa một số con đặc sản có giá trị kinh tế cao vào sản xuất. Tổng diện tích nuôi trồng thủy sản ước tính 5,6 nghìn ha. Trong đó, có khoảng 21 ha nuôi tôm thẻ chân trắng và tôm càng xanh cho thu hoạch với sản lượng khoảng 26 tấn.

2. Công nghiệp

Tháng 11, hoạt động sản xuất công nghiệp tiếp tục giữ đà tăng trưởng khá so với cùng kỳ năm trước. Chỉ số sản xuất công nghiệp (IIP) tháng 11 ước tăng 2,0% so với tháng trước và tăng 14,7% so với cùng kỳ năm 2021.

Từ đầu quý IV năm nay, hoạt động xuất nhập khẩu sụt giảm nghiêm trọng, đặc biệt là các ngành dệt may, da giày, đồ gỗ, sắt thép, xi măng... do chính sách

thất chặt tiền tệ tại nhiều quốc gia; giá nguyên vật liệu, giá dầu, tỷ giá USD/VND tăng cao tạo sức ép lên mặt bằng giá sản xuất trong nước; khó khăn nguồn nguyên liệu đầu vào do chính sách Zero Covid tại Trung Quốc; tình trạng thiếu hụt xăng dầu tại Hà Nội và TP. Hồ Chí Minh khiến chi phí vận chuyển tăng mạnh... đã gây khó khăn cho sản xuất kinh doanh cho doanh nghiệp. Trước tình hình đó, các cấp chính quyền trong tỉnh đã khẩn trương rà soát, tháo gỡ vướng mắc cho các dự án đầu tư, bố trí quỹ đất sạch để các nhà đầu tư xây dựng cơ sở sản xuất theo nhóm nhằm giảm chi phí vận chuyển và nâng cao hiệu quả sản xuất, kết nối và thúc đẩy công nghiệp hỗ trợ và tăng hoạt động tiêu thụ sản phẩm giữa các doanh nghiệp trong tỉnh.

Tính chung 11 tháng, IIP tăng cao ở mức 14,0% so với cùng kỳ năm 2021. Trong đó, ngành khai khoáng tăng 5,0%; công nghiệp chế biến, chế tạo tăng 14,4%; sản xuất và phân phối điện tăng 5,0%; cung cấp nước và xử lý rác thải, nước thải giảm 1,6%.

Lũy kế 11 tháng, một số sản phẩm sản xuất ra tăng so với cùng kỳ năm trước: sản xuất sản phẩm từ cao su và plastic tăng 18,6%; công nghiệp chế biến, chế tạo khác tăng 27,1%; sản xuất đồ uống tăng 28,3%; sản xuất giấy và sản phẩm từ giấy tăng 37,6%; sản xuất thuốc, hóa dược và dược liệu tăng 62,7%... Bên cạnh đó, một số ngành có chỉ số sản xuất giảm so với cùng kỳ như: ngành dệt giảm 18,5%; ngành sản xuất kim loại giảm 13,8%; in, sao chép bản ghi các loại giảm 2,9%; sản xuất sản phẩm từ kim loại đúc sẵn giảm 0,1%.

Sản lượng một số sản phẩm công nghiệp chủ yếu trong 11 tháng duy trì tốc độ tăng cao so với cùng kỳ: đồ chơi trẻ em tăng 30,4%; xi măng và clinker tăng 29,3%; linh kiện điện tử tăng 18,3%; bia các loại tăng 10,0%...

3. Hoạt động của doanh nghiệp

Theo Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Hà Nam, tính đến ngày 15/11/2022, số lượng doanh nghiệp đăng ký mới năm 2022 trên địa bàn toàn tỉnh là 730 doanh nghiệp, với tổng số vốn đăng ký đạt 9.799,4 tỷ đồng; có 475 doanh nghiệp thông báo tạm ngừng và 65 doanh nghiệp giải thể.

Lũy kế đến 31/10/2022 trên địa bàn tỉnh Hà Nam có 1.109 dự án đầu tư còn hiệu lực (352 dự án FDI và 757 dự án trong nước) với vốn đăng ký 4.918,8 triệu USD và 158.253 tỷ đồng.

4. Đầu tư, xây dựng

Tháng 11, công tác đầu tư tập trung đẩy nhanh tiến độ hoàn thiện các thủ tục đầu tư, thực hiện thi công các công trình, nhất là các công trình dự án có tính

chất chiến lược, trọng tâm như: đường qua khu công nghiệp Thái Hà; tuyến đường Lê Công Thanh kéo dài; đường kết nối QL 38B đến đường nối cao tốc Hà Nội - Hải Phòng và cầu Giẽ - Ninh Bình...; các hạng mục công trình kết cấu hạ tầng thiết yếu, hệ thống xử lý nước thải, nạo vét kênh mương chống ngập úng, xử lý vệ sinh môi trường trên địa bàn tỉnh cũng được nâng cấp, sửa chữa hiệu quả; các trục đường huyện, xã, đường làng, ngõ xóm, các trường học, trạm y tế xã cũng được sửa sang, xây mới khang trang tạo điều kiện thuận lợi cho việc đi lại, sản xuất kinh doanh cải thiện môi trường sống của nhân dân và thúc đẩy kinh tế phát triển trên địa bàn toàn tỉnh.

Vốn đầu tư phát triển thuộc nguồn vốn ngân sách Nhà nước do địa phương quản lý tháng 11 ước đạt 556,1 tỷ đồng, tăng 11,3% so với tháng trước và tăng 284,6% so với cùng kỳ năm 2021.

Lũy kế 11 tháng, vốn đầu tư thực hiện từ nguồn ngân sách Nhà nước do địa phương quản lý ước đạt 3.354,6 tỷ đồng, tương đương 78,9% kế hoạch năm và tăng 148,1% so cùng kỳ năm 2021. Cơ cấu tổng vốn đầu tư thực hiện 11 tháng là 61,3% vốn ngân sách nhà nước cấp tỉnh; 35,1% vốn ngân sách cấp huyện và 3,6% vốn ngân sách cấp xã, tương ứng 2.057,5 tỷ đồng; 1.178,3 tỷ đồng và 118,8 tỷ đồng.

Khối lượng vốn đầu tư thực hiện trong tháng của một số dự án, công trình: Dự án Đầu tư đường Lê Công Thanh giai đoạn 3 ước đạt 11,5 tỷ đồng; dự án đường kết nối QL 38B đến đường nối cao tốc Hà Nội - Hải Phòng và cầu Giẽ - Ninh Bình ước đạt 8,8 tỷ đồng; dự án ĐTXD tuyến đường vành đai T4 (đoạn tiếp nối với TP Phủ Lý đến đường ĐT.499B) huyện Thanh Liêm ước đạt 8,4 tỷ đồng; dự án xây dựng tuyến đường kết nối từ nút giao QL38B đến khu vực quy hoạch cảng Yên Lệnh thuộc địa bàn xã Duy Tiên ước đạt 6,2 tỷ đồng; dự án nâng cấp, gia cố, tăng khả năng thoát lũ và chống sạt lở bờ sông Đáy thuộc địa bàn tỉnh Hà Nam (giai đoạn I) ước đạt 7,9 tỷ đồng; dự án đo đạc chỉnh lý bản đồ địa chính ước đạt 5,9 tỷ đồng; dự án phát triển các đô thị loại vừa tại Việt Nam - Tiểu dự án TP Phủ Lý (phần bổ sung) ước đạt 5,7 tỷ đồng;...

Một số dự án, công trình khởi công mới trong tháng như: Dự án nâng cấp, cải tạo đường giao thông xã Tiên Ngoại, đoạn từ ĐH06 đến chùa Nội thôn Minh Lương Nội với tổng mức đầu tư 27,1 tỷ đồng; dự án xây dựng hệ thống điện chiếu sáng trên một số tuyến đường trục chính thuộc địa phận phường Châu Giang, thị xã Duy Tiên với tổng mức đầu tư 17,7 tỷ đồng; dự án cải tạo tuyến đường ĐH 07 đến đường T3 xã Thụy Lôi, Kim Bảng với tổng mức đầu tư 14,9 tỷ đồng; dự án nhà Văn hóa và các hạng mục phụ trợ xã Đồn Xá, huyện Bình

Lục với tổng mức đầu tư 15,0 tỷ đồng; dự án xây dựng các phòng học và các hạng mục phụ trợ trường tiểu học khu A xã Hưng Công, huyện Bình Lục với tổng mức đầu tư 14,7 tỷ đồng...

**Công tác thanh toán vốn đầu tư XDCB:* Theo số liệu báo cáo từ Kho bạc Nhà nước tỉnh, tính đến hết tháng 10/2022 giá trị thanh toán khối lượng hoàn thành vốn đầu tư phát triển thuộc nguồn ngân sách do địa phương quản lý đạt 1.908,7 tỷ đồng (bao gồm cả vốn đầu tư từ nguồn thu tiền sử dụng đất, xổ số kiến thiết); số vốn giải ngân theo chương trình mục tiêu quốc gia lũy kế đến cuối tháng 10/2022 là 341,0 tỷ đồng; số vốn trái phiếu chính phủ 88,6 tỷ đồng (100% là thanh toán vốn kéo dài năm trước chuyển sang). Các đơn vị được giao quản lý các công trình, dự án thường xuyên giám sát chặt chẽ và đôn đốc các nhà thầu đẩy mạnh tiến độ thực hiện các hạng mục của dự án, giám sát tiến độ và chất lượng, chú trọng những công trình, dự án lớn, quan trọng, kịp thời nghiệm thu và thanh toán đảm bảo đúng quy định của Kho bạc Nhà nước.

** Tình hình thu hút đầu tư:* Theo Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Hà Nam:

- Thu hút đầu tư trong nước: tính từ đầu năm đến 31/10/2022, toàn tỉnh cấp mới 34 dự án đầu tư trong nước, tổng vốn đầu tư đạt 12.846,6 tỷ đồng. Thực hiện điều chỉnh vốn đầu tư 23 dự án với tổng vốn đầu tư giảm 230,7 tỷ đồng; thu hồi giấy phép đầu tư 02 dự án với vốn đăng ký 226,1 tỷ đồng.

- Thu hút đầu tư trực tiếp nước ngoài (FDI): lũy kế từ đầu năm đến 31/10/2022, toàn tỉnh có 12 dự án FDI đăng ký mới với tổng vốn đăng ký đầu tư 78,7 triệu USD; 33 dự án điều chỉnh vốn đầu tư với tổng vốn đầu tư tăng 335,1 triệu USD; thực hiện thu hồi giấy phép đầu tư 04 dự án với tổng vốn đăng ký 155,3 triệu USD.

5. Thu, chi ngân sách Nhà nước

a. Thu Ngân sách Nhà nước

Theo báo cáo Sở Tài chính, ước tính tổng thu cân đối ngân sách Nhà nước trên địa bàn tỉnh 11 tháng năm 2022 đạt 12.122,0 tỷ đồng, bằng 97,6% dự toán địa phương, giảm 4,9% so với cùng kỳ năm 2021.

Thu nội địa đạt 10.622,0 tỷ đồng, đạt 100% dự toán địa phương, chiếm 87,6% thu cân đối; trong đó, các khoản thu từ thuế, phí, lệ phí đạt 7.560 tỷ đồng; thu tiền sử dụng đất 3.000 tỷ đồng, các khoản thu khác còn lại: 62 tỷ đồng.

Thu từ hoạt động xuất, nhập khẩu đạt 1.500,0 tỷ đồng, bằng 83,6% dự toán địa phương, giảm 0,6% so với cùng kỳ.

b. Chi Ngân sách Nhà nước

Chi cân đối ngân sách Nhà nước 11 tháng năm 2022 ước tính đạt 9.207,1 tỷ đồng, bằng 91,7% dự toán địa phương, tăng 9,0% so với cùng kỳ. Trong đó, chi thường xuyên đạt 6.428,0 tỷ đồng, chiếm 69,8% trong chi cân đối, tăng 19,4% so với cùng kỳ; chi đầu tư phát triển đạt 2.678,1 tỷ đồng, giảm 7,8% so với cùng kỳ.

6. Thương mại, dịch vụ

Tháng 11/2022, nhu cầu tiêu dùng hàng hóa và dịch vụ tiếp tục phục hồi và tăng cao so với cùng kỳ năm 2021. Hàng hoá cung cấp trên thị trường tương đối dồi dào, phong phú với nhiều chủng loại mẫu mã, đáp ứng tốt nhu cầu tiêu dùng của nhân dân, giá cả hàng hoá cơ bản ổn định. Hoạt động lưu trú, ăn uống, du lịch, lễ hành tiếp tục tăng trưởng cao so cùng kỳ. Tuy nhiên, tình trạng thiếu hụt xăng dầu tại các trung tâm kinh tế lớn của cả nước như Hà Nội, TP.HCM và lan rộng ra nhiều tỉnh, thành khác kéo theo nguy cơ “đứt gãy” chuỗi cung ứng hàng hóa. Trước tình hình đó, nhiều giải pháp được thực hiện nhằm tháo gỡ khó khăn, cung cấp đầy đủ xăng dầu cho thị trường trong nước, đảm bảo lưu thông hàng hóa thông suốt.

a. Tổng mức bán lẻ hàng hóa và doanh thu dịch vụ lưu trú, ăn uống, du lịch lễ hành

Tổng mức bán lẻ hàng hóa và doanh thu dịch vụ tháng 11/2022 ước đạt 3.775,2 tỷ đồng, tăng 46,9% so với cùng kỳ năm 2021. Trong đó, tổng mức bán lẻ hàng hóa ước đạt 3.185,4 tỷ đồng, tăng 47,0%; doanh thu dịch vụ lưu trú, ăn uống ước đạt 265,0 tỷ đồng, tăng 81,9% so cùng kỳ; doanh thu du lịch lễ hành ước đạt 36,0 tỷ đồng, gấp hơn 98 lần so với cùng kỳ; doanh thu dịch vụ khác ước đạt 288,8 tỷ đồng, tăng 12,2% so với cùng kỳ.

Hầu hết các ngành hàng bán lẻ trong tháng 11 đạt mức tăng cao so với cùng tháng năm trước với mức tăng từ 9,4% đến 91,9%. Riêng 2 ngành hàng bán lẻ có mức giảm so cùng kỳ là: Đồ dùng, dụng cụ, trang thiết bị gia đình (-5,7%); Xăng, dầu các loại (-29,0%).

Tính chung 11 tháng năm 2022, tổng mức bán lẻ hàng hóa và doanh thu dịch vụ ước đạt 37.187,9 tỷ đồng, tăng 30,8% so với cùng kỳ năm 2021. Trong đó, tổng mức bán lẻ hàng hóa ước đạt 30.858,7 tỷ đồng, tăng 30,7%; doanh thu dịch vụ lưu trú, ăn uống 2.525,4 tỷ đồng, tăng 47,6%; doanh thu du lịch lễ hành ước đạt 303,5 tỷ đồng, tăng gấp hơn 31 lần so với cùng kỳ; doanh thu dịch vụ

khác ước đạt 3.500,3 tỷ đồng, tăng 13,2% so với cùng kỳ.

Mười một tháng năm 2022, có 11/12 nhóm ngành hàng bán lẻ có doanh thu tăng so với cùng kỳ năm 2021, cụ thể: Gỗ và vật liệu xây dựng (+57,7%); Lương thực, thực phẩm (+40,1%); Vật phẩm văn hóa, giáo dục (+38,9%); Phương tiện đi lại (trừ ô tô con kể cả phụ tùng) (+36,0%); Ô tô con (dưới 9 chỗ ngồi) (+32,0%); Nhiên liệu khác (+31,4%); Dịch vụ sửa chữa ô tô, mô tô, xe máy và xe có động cơ khác (+22,8%); Hàng hóa khác (+21,0%); Hàng may mặc (+12,6%); Đá quý, kim loại quý và sản phẩm (+5,2%); Đồ dùng, dụng cụ, trang thiết bị gia đình (+2,9%). Có 01/12 nhóm ngành hàng bán lẻ có doanh thu giảm so cùng kỳ là: Xăng, dầu các loại (-14,4%).

b. Giá cả

Sau nhiều tháng giảm liên tiếp, giá xăng dầu trong tháng tăng mạnh với 3 phiên liên tiếp vào các ngày 01/11, 11/11, 21/11. Tuy nhiên, chỉ số giá tiêu dùng (CPI) tháng 11/2022 vẫn giảm 0,05% so với tháng trước, tăng 3,53% so với tháng 12/2021. Nguyên nhân chính do vụ mùa đã thu hoạch xong, nguồn cung dồi dào nên giá lúa gạo và nhiều loại rau xanh giảm. Bên cạnh đó, nguồn cung thịt lợn trên thị trường dồi dào do việc xuất khẩu sang Trung Quốc gặp khó khăn khiến giá thịt lợn hơi giảm. Cụ thể, chỉ số giá các nhóm hàng trong tháng so với tháng trước như sau:

Có 04/11 nhóm hàng hóa có chỉ số giá giảm so với tháng trước: Hàng ăn và dịch vụ ăn uống (-1,36%); Đồ uống và thuốc lá (-0,66%); Văn hóa, giải trí và du lịch (-0,03%); Thuốc và dịch vụ y tế (-0,01%).

Có 03/11 nhóm hàng hóa có chỉ số ổn định: Bưu chính viễn thông; May mặc, mũ nón và giày dép; Giáo dục.

Có 04/11 nhóm hàng hóa có chỉ số giá tăng: Nhà ở, điện, nước, chất đốt và vật liệu xây dựng (+0,25%); Thiết bị và đồ dùng gia đình (+0,65%); Hàng hóa và dịch vụ khác (+1,18%); Giao thông (+3,27%).

Chỉ số giá vàng và đô la Mỹ tháng 11 năm 2022 so với tháng trước giữ ổn định.

Tháng 11/2022 so với cùng tháng năm trước, chỉ số giá tiêu dùng tăng 3,44%; chỉ số giá vàng và đô la Mỹ cùng biến động tăng: Giá vàng tăng 0,25%; giá đô la Mỹ tăng 6,08%.

Bình quân 11 tháng đầu năm 2022, chỉ số giá tiêu dùng tăng 3,36%; chỉ số giá vàng tăng 2,79%; giá đô la Mỹ tăng 1,74% so với bình quân cùng kỳ năm 2021.

c. Vận tải

Tháng 11/2022, hoạt động vận tải trên địa bàn tỉnh diễn ra tương đối thuận lợi. Doanh thu các ngành vận tải trong tháng đều tăng so với tháng trước và tăng cao so với cùng kỳ năm 2021.

Doanh thu vận tải, kho bãi và dịch vụ hỗ trợ vận tải tháng 11 ước đạt 541,6 tỷ đồng, tăng 1,5% so với tháng trước và tăng gấp hơn 2 lần so cùng kỳ năm 2021, trong đó: doanh thu vận tải hành khách ước đạt 35,0 tỷ đồng, tăng 1,1% so với tháng trước và gấp hơn 5 lần so cùng kỳ; doanh thu vận tải hàng hóa ước đạt 502,2 tỷ đồng, tăng 1,5% so tháng trước và gấp hơn 2 lần so cùng kỳ; doanh thu dịch vụ hỗ trợ ước đạt 4,4 tỷ đồng, tăng 1,6% so với tháng trước và tăng 52,9% so cùng kỳ. Tính chung 11 tháng năm 2022, doanh thu vận tải, kho bãi và dịch vụ hỗ trợ vận tải ước đạt 4.664,8 tỷ đồng, tăng 22,3% so cùng kỳ năm 2021.

Khối lượng vận chuyển hành khách tháng 11/2022 ước đạt 566,5 nghìn HK, tăng 1,0% so với tháng trước và gấp 5,8 lần so với cùng kỳ năm 2021; khối lượng luân chuyển hành khách ước đạt 40,8 triệu lượt HK.km, tăng 1,2% so tháng trước và gấp hơn 6 lần so cùng kỳ. Tính chung 11 tháng, khối lượng vận chuyển hành khách đạt 5,3 triệu HK, tăng 28,7% và khối lượng luân chuyển hành khách là 380,5 triệu lượt HK.km, tăng 28,9% so với cùng kỳ 2021.

Khối lượng vận chuyển hàng hóa tháng 11/2022 ước đạt 4,9 triệu tấn, tăng 1,4% so với tháng trước và tăng 99,1% so với cùng kỳ; khối lượng luân chuyển hàng hóa ước đạt 219,4 triệu tấn.km, tăng 1,4% so với tháng trước và tăng 95,8% so cùng kỳ năm 2021. Tính chung 11 tháng, khối lượng vận chuyển hàng hóa đạt 42,1 triệu tấn, tăng 13,7%; khối lượng luân chuyển hàng hóa là 1.893,4 triệu tấn.km, tăng 15,1% so với cùng kỳ.

II. MỘT SỐ VẤN ĐỀ XÃ HỘI

1. Hoạt động văn hóa, thể thao và tuyên truyền

Trong tháng 11, hoạt động văn hóa thông tin tuyên truyền tập trung chủ yếu vào hoạt động truyền tải các chủ trương chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước, phục vụ nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội của địa phương; tổ chức tốt các hoạt động tuyên truyền cổ động trực quan, văn hóa văn nghệ, thể dục thể thao chào mừng các ngày kỷ niệm lớn của đất nước, như: kỷ niệm 92 năm ngày thành lập Mặt trận Dân tộc Thống nhất Việt Nam (18/11/1930-18/11/2022); 76 năm ngày thành lập Hội chữ Thập đỏ Việt Nam (23/11/1946-23/11/2022); 65 năm ngày Quốc tế Hiến chương các Nhà giáo (20/11/1957-20/11/2022) và 40

năm ngày Nhà giáo Việt Nam (20/11/1982-20/11/2022)... Tập trung các nhiệm vụ tổng kết Đại hội Thể dục Thể thao tỉnh Hà Nam lần thứ VI năm 2022; tập huấn và chuẩn bị các điều kiện tham dự Đại hội Thể thao toàn quốc lần thứ IX năm 2022.

Công tác bảo tồn và phát huy giá trị di sản văn hóa tiếp tục được triển khai thực hiện tốt, các dự án tu bổ, tôn tạo, chống xuống cấp các di tích cấp tỉnh, cấp quốc gia được tiến hành theo kế hoạch; tham mưu Hội đồng xét duyệt Di tích cấp tỉnh tổ chức Hội nghị xét duyệt 06 hồ sơ đề nghị xếp hạng cấp tỉnh 2022; hoàn thiện hồ sơ đề nghị Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch cho phép phỏng dựng tháp thờ tại di tích quốc gia đền Lảnh Giang, xã Mộc Nam, thị xã Duy Tiên.

2. Y tế

Trong tháng 11, ngành y tế tiếp tục thực hiện đạt hiệu quả công tác phòng chống dịch bệnh; chăm sóc và bảo vệ sức khỏe nhân dân, duy trì công tác kiểm tra, giám sát nâng cao chất lượng khám chữa bệnh tại các cơ sở y tế công lập và y tế tư nhân; tiếp tục áp dụng những kỹ thuật mới trong chẩn đoán và điều trị; thường trực, cấp cứu, nâng cao tinh thần, thái độ phục vụ và chăm sóc cho bệnh nhân đến khám và điều trị.

Tình hình ngộ độc thực phẩm: Theo báo cáo của Chi cục Vệ sinh an toàn thực phẩm, trong tháng 11 trên địa bàn tỉnh Hà Nam xảy ra 01 vụ ngộ độc thực phẩm khiến 3 người nhiễm, không có trường hợp nào tử vong.

Tình hình bệnh truyền nhiễm: Theo báo cáo của Sở Y tế tính từ ngày 16 tháng 10 năm 2022 đến hết ngày 15 tháng 11 năm 2022 trên địa bàn tỉnh phát sinh 172 người sốt xuất huyết Dengue; bệnh tay - chân - miệng 5 người; thủy đậu 5 người; cúm 608 người; trong tháng không có người bị quai bị; tất cả các ca bệnh trên đều không tạo thành dịch và không có ca bệnh nào tử vong.

Công tác phòng chống HIV/AIDS: Theo số liệu của Trung tâm phòng chống HIV/AIDS tỉnh Hà Nam, tính từ ngày 16 tháng 10 năm 2022 đến hết ngày 15 tháng 11 năm 2022 toàn tỉnh có 01 người bị nhiễm HIV mới, không có người chuyển thành AIDS và tử vong do AIDS.

Thực hiện kế hoạch số 488, ngày 28/2/2022 của UBND tỉnh về phòng, chống dịch bệnh truyền nhiễm, Sở Y tế tỉnh đã chủ động theo dõi, cập nhật thông tin, diễn biến dịch bệnh và bám sát hướng dẫn của Trung ương để chủ động triển khai các biện pháp phòng, chống dịch kịp thời, hiệu quả; đẩy mạnh giám sát dịch bệnh để phát hiện sớm, xử lý hiệu quả các ca bệnh không để lây lan ra cộng đồng,

tăng cường công tác tuyên truyền trên hệ thống loa truyền thanh về dịch để nâng cao nhận thức của nhân dân trong các hoạt động phòng, chống dịch.

Công tác phòng, chống dịch bệnh Covid-19: Mặc dù dịch bệnh Covid-19 đã cơ bản được kiểm soát, ngành y tế Hà Nam vẫn luôn chủ động phòng chống dịch trong mọi tình huống, đặc biệt là công tác tiêm chủng vắc xin; tiếp tục phối hợp với các Sở, ban ngành, đoàn thể cấp tỉnh và UBND các huyện, thị xã, thành phố triển khai tiêm chủng covid-19 cho những đối tượng chưa tiêm; tiếp tục thu dung, cách ly, quản lý điều trị các ca dương tính với covid-19 theo đúng quy định của Bộ Y tế.

3. Giáo dục và đào tạo

Trong tháng ngành Giáo dục - Đào tạo Hà Nam đã làm tốt công tác chuyên môn của mình, Sở Giáo dục - Đào tạo đã phối hợp với Tỉnh Đoàn Hà Nam tổ chức chia sẻ cùng thầy cô và tuyên dương giáo viên trẻ tiêu biểu tỉnh Hà Nam năm 2022, đây là hoạt động thiết thực nhằm ôn lại truyền thống cao đẹp của nghề dạy học, đồng thời động viên, khích lệ các thầy cô giáo và các em học sinh vươn lên trong học tập và công tác. Bên cạnh các hoạt động về chuyên môn nghiệp vụ, ngành giáo dục cùng với các cơ sở giáo dục trên địa bàn tỉnh tổ chức nhiều hoạt động thiết thực thi đua lập thành tích chào mừng kỷ niệm 40 năm ngày Nhà giáo Việt Nam.

4. An ninh, trật tự

Tình hình an ninh trật tự trên địa bàn tỉnh tháng 11 năm 2022 được giữ vững và ổn định; ngành chức năng tiếp tục triển khai các kế hoạch, phương án đảm bảo trật tự an toàn giao thông trên địa bàn tỉnh. Theo số liệu của Công an tỉnh, trong tháng 11 năm 2022 (tính từ ngày 15/10/2022 đến ngày 14/11/2022), trên địa bàn tỉnh xảy ra 17 vụ tai nạn và va chạm giao thông, trong đó đường bộ 16 vụ, đường sắt 1 vụ, (tăng 2 vụ so cùng kỳ năm 2021), hậu quả làm chết 12 người (tăng 4 người so với cùng kỳ năm 2021) và bị thương 7 người (so với cùng kỳ năm 2021 giảm 2 người). Tính chung 11 tháng năm 2022 (tính từ 15/12/2021 - 14/11/2022) toàn tỉnh đã xảy ra 101 vụ tai nạn giao thông, trong đó 96 vụ đường bộ và 5 vụ đường sắt, số người chết 62 người (đường bộ 59 người, đường sắt 3 người) và bị thương 58 người (đường bộ 57 người, đường sắt 1 người).

5. Tình hình bảo vệ môi trường và phòng chống cháy nổ

Theo báo cáo từ Chi Cục Thống kê các huyện, thành phố, thị xã trong tháng 11/2022 trên địa bàn tỉnh Hà Nam phát hiện 26 vụ vi phạm môi trường, đã được các cơ quan chức năng xử lý và phạt tiền với tổng số tiền phạt là 53 triệu đồng.

Theo báo cáo từ Công an tỉnh Hà Nam, trong tháng 11 năm 2022 trên địa bàn tỉnh không xảy ra vụ cháy nổ nào.

6. Tình hình thiệt hại thiên tai

Trong kỳ báo cáo, trên địa bàn tỉnh không xảy ra tình hình thiệt hại thiên tai, tính chung 11 tháng năm 2022 trên địa bàn xảy ra 2 vụ bị sét đánh làm 2 người bị tử vong.

Trên đây là Báo cáo tình hình kinh tế - xã hội tháng 11 và 11 tháng năm 2022 tỉnh Hà Nam./.

PHỤ LỤC SỐ LIỆU

1. Sản xuất nông nghiệp đến ngày 15 tháng 11 năm 2022

	Thực hiện cùng kỳ năm 2021	Thực hiện năm 2022	ĐVT: Ha Thực hiện năm 2022 so với cùng kỳ năm 2021 (%)
Diện tích gieo trồng cây hàng năm			
Lúa			
Lúa đông xuân	29.614,4	29.221,0	98,7
Lúa mùa	29.939	29.330,8	98,0
Các loại cây khác			
Ngô	2.100,1	2.134,0	101,6
Khoai lang	236,5	247,5	104,7
Đậu tương	416,5	336,0	80,7
Lạc	111,2	96,0	86,3
Rau, đậu các loại	5.378,4	4.787,1	89,0

2. Chỉ số sản xuất công nghiệp Tháng 11 và 11 tháng năm 2022

	Tháng 10 năm 2022 so với cùng kỳ năm trước	Tháng 11 năm 2022 so với tháng trước	So với cùng kỳ năm trước (%)	
			Tháng 11 năm 2022	11 tháng năm 2022
Toàn ngành công nghiệp	123,0	102,0	114,7	114,0
Khai khoáng	113,9	99,2	108,9	105,0
Khai thác than cứng và than non	-	-	-	-
Khai thác dầu thô và khí đốt tự nhiên	-	-	-	-
Khai thác quặng kim loại	-	-	-	-
Khai khoáng khác	113,9	99,2	108,9	105,0
Hoạt động dịch vụ hỗ trợ khai thác mỏ và quặng	-	-	-	-
Công nghiệp chế biến , chế tạo	123,6	102,2	115,1	114,4
Sản xuất chế biến thực phẩm	101,3	100,8	104,6	101,8
Sản xuất đồ uống	174,9	99,9	118,6	128,3
Sản xuất sản phẩm thuốc lá	-	-	-	-

2. (Tiếp theo) Chỉ số sản xuất công nghiệp

Tháng 11 và 11 tháng năm 2022

	Tháng 10	Tháng 11	So với cùng kỳ	
	năm 2022	năm 2022	năm trước (%)	
	so với	so với	Tháng 11	11 tháng
	cùng kỳ	tháng	năm	năm
	năm trước	trước	2022	2022
	86,9			
Dệt		93,7	70,8	81,5
Sản xuất trang phục	95,8	94,0	99,5	102,9
Sản xuất da và các sản phẩm có liên quan	104,4	106,6	103,5	106,3
Chế biến gỗ và sản xuất sản phẩm từ gỗ, tre, nứa (trừ giường, tủ, bàn, ghế); Sản xuất sản phẩm từ rơm, rạ và vật liệu tết bện	116,5	95,9	111,4	116,6
Sản xuất giấy và sản phẩm từ giấy	175,9	100,0	152,6	137,6
In, sao chép bản ghi các loại	169,0	87,6	110,1	97,1
Sản xuất than cốc, sản phẩm dầu mỏ tinh chế	-	-	-	-
Sản xuất hoá chất và sản phẩm hoá chất	121,1	102,9	121,6	106,3
Sản xuất thuốc, hoá dược và dược liệu	130,9	85,7	203,7	162,7
Sản xuất sản phẩm từ cao su và plastic	120,5	94,3	105,5	118,6
Sản xuất sản phẩm từ khoáng phi kim loại khác	152,0	103,0	144,0	121,2
Sản xuất kim loại	108,5	122,6	124,5	86,2
Sản xuất sản phẩm từ kim loại đúc sẵn (trừ máy móc, thiết bị)	107,6	104,3	96,2	99,9
Sản xuất sản phẩm điện tử, máy vi tính và sản phẩm quang học	122,0	106,1	109,9	123,0
Sản xuất thiết bị điện	104,0	104,6	100,6	103,0
Sản xuất máy móc, thiết bị chưa được phân vào đâu	157,1	100,1	148,2	112,1
Sản xuất xe có động cơ	214,3	90,3	129,4	111,6
Sản xuất phương tiện vận tải khác	143,5	95,9	145,0	102,5
Sản xuất giường, tủ, bàn, ghế	94,3	101,4	90,9	107,5
Công nghiệp chế biến, chế tạo khác	99,2	103,9	97,4	127,1
Sửa chữa, bảo dưỡng và lắp đặt máy móc và thiết bị	711,1	109,2	142,8	107,1
Sản xuất và phân phối điện, khí đốt, nước nóng, hơi nước và điều hoà không khí	109,6	94,2	100,5	105,0
Cung cấp nước; hoạt động quản lý và xử lý rác thải, nước thải	94,5	105,6	98,1	98,4
Khai thác, xử lý và cung cấp nước	101,0	108,9	106,8	102,8
Thoát nước và xử lý nước thải	-	-	-	-
Hoạt động thu gom, xử lý và tiêu huỷ rác thải; tái chế phế liệu	86,6	101,0	87,4	93,2
Xử lý ô nhiễm và hoạt động quản lý chất thải khác	-	-	-	-

3. Sản lượng một số sản phẩm công nghiệp chủ yếu

Tháng 11 và 11 tháng năm 2022

	Đơn vị tính	Thực hiện tháng 10 năm 2022	Ước tính tháng 11 năm 2022	Ước tính 11 tháng năm 2022	So với cùng kỳ năm trước (%)	
					Tháng 11 năm 2022	11 tháng năm 2022
Tên sản phẩm						
(Theo ngành sản phẩm)						
Đá khai thác	1000 m3	2.394,5	2.374,6	21.565,2	108,9	104,3
Bia các loại	1000 lít	4.736,0	4.900,0	51.501,0	86,8	110,0
Sữa các loại	Triệu lít	13,6	13,4	125,4	106,1	100,4
Vải các loại	1000 m2	9.048,9	9.388,3	90.570,4	90,5	96,3
Quần áo may sẵn	1000 cái	5.376,5	5.053,4	68.305,2	99,5	102,2
Xi măng và clinker	1000 tấn	2.589,1	2.664,7	23.986,3	160,5	129,3
Thức ăn chăn nuôi	Tấn	110,4	112,6	1.172,3	103,9	102,3
Linh kiện điện tử	1000 Sp	13.452,5	14.250,2	116.779,1	108,9	118,3
Dây điện các loại	Triệu met	6,6	7,0	61,4	100,4	103,8
Xe gắn máy	1000 c	113,2	108,5	896,1	145,0	102,5
Đồ chơi trẻ em	1000 cái	12.053	12.537	173.506	100,1	130,4

4. Vốn đầu tư thực hiện từ nguồn ngân sách Nhà nước do địa phương quản lý Tháng 11 và 11 tháng năm 2022

	<i>ĐVT: Triệu đồng</i>				
	Thực hiện tháng 10 năm 2022	Ước tính tháng 11 năm 2022	Ước tính 11 tháng 11 tháng năm 2022	11 tháng năm 2022 so với kế hoạch (%)	11 tháng năm 2022 so với 11 tháng năm 2021 (%)
TỔNG SỐ	499.815	556.098	3.354.559	78,9	248,1
Vốn ngân sách Nhà nước cấp tỉnh	355.623	412.559	2.057.517	73,2	355,3
Vốn cân đối ngân sách tỉnh	307.651	362.912	1.844.052	81,8	444,6
<i>Trong đó: Thu từ quỹ sử dụng đất</i>	<i>116.320</i>	<i>118.465</i>	<i>957.149</i>	<i>88,7</i>	<i>1.079,1</i>
Vốn trung ương hỗ trợ đầu tư theo mục tiêu	-	-	-	-	-
Vốn nước ngoài (ODA)	10.466	12.017	57.661	81,8	38,7
Xổ số kiến thiết	2.207	2.283	22.775	91,1	147,9
Vốn khác	35.299	35.347	133.029	78,8	-
Vốn ngân sách Nhà nước cấp huyện	130.289	131.665	1.178.300	89,9	193,2
Vốn cân đối ngân sách huyện	130.289	131.665	1.178.300	89,9	193,2
<i>Trong đó: Thu từ quỹ sử dụng đất</i>	<i>112.052</i>	<i>115.237</i>	<i>1.037.333</i>	<i>89,9</i>	<i>220,9</i>
Vốn tỉnh hỗ trợ đầu tư theo mục tiêu	-	-	-	-	-
Vốn khác	-	-	-	-	-
Vốn ngân sách Nhà nước cấp xã	13.903	11.874	118.742	91,6	72,9
Vốn cân đối ngân sách xã	13.903	11.874	118.742	91,6	72,9
<i>Trong đó: Thu từ quỹ sử dụng đất</i>	<i>13.903</i>	<i>11.874</i>	<i>118.742</i>	<i>91,6</i>	<i>72,9</i>
Vốn tỉnh hỗ trợ đầu tư theo mục tiêu	-	-	-	-	-
Vốn khác	-	-	-	-	-

5. Số dự án đầu tư nước ngoài được cấp phép mới trên địa bàn

	Số dự án cấp phép mới tháng 9/2022 (Dự án)	Số dự án cấp phép mới tháng 10/2022 (Dự án)	Lũy kế 10 tháng năm 2022 (*) (Dự án)
TỔNG SỐ	-	1	12
Phân theo ngành kinh tế			
1 Sản xuất thiết bị truyền thông	-	-	1
Sản xuất, gia công bộ nguồn chuyển mạch, dây cáp hiệu suất cao; Bộ sạc nguồn cho các thiết bị truyền thông, y tế, máy biến áp tần số cao; bộ nguồn cung cấp điện cho đèn led; Thực hiện quyền xuất khẩu, quyền nhập khẩu, quyền phân phối bán buôn (không lập cơ sở bán buôn)	-	-	1
2	-	-	1
3 Kinh doanh thương mại, dịch vụ (Trung tâm thương mại)	-	-	1
4 Sản xuất sản phẩm mỹ phẩm và thiết bị làm đẹp	-	-	1
5 Sản xuất và gia công dây bộ dẫn điện và các loại dây cáp dùng cho ô tô	-	-	1
6 Sản xuất, gia công dải kim loại	-	-	1
7 Sản xuất hàng may mặc (gồm quần áo Jacket, quần áo dệt kim, đan móc)	-	-	1
Sản xuất, gia công các loại bao bì đóng gói, bao bì vận tải từ giấy Sản xuất vật liệu chăm sóc sức khỏe: bông tắm bọt biển, bông tắm vệ sinh răng miệng Gia công, lắp ráp, đóng gói sản phẩm theo yêu cầu của khách hàng Hoạt động thương mại và xuất nhập khẩu, dịch vụ	-	-	1
8	-	-	1
Sản xuất linh kiện sản phẩm rèn, dập, ép mục đích sử dụng gia dụng và công nghiệp; Sản xuất khuôn mẫu, gíg, đồ gá, linh kiện cơ khí các loại; gia công, lắp ráp, đóng gói theo yêu cầu; sản xuất xuất khẩu các sản phẩm phụ trợ cho ngành công nghiệp theo yêu cầu; hoạt động thương mại dịch vụ.	-	-	1
9	-	-	1
10 Sản xuất và cung cấp các loại khí công nghiệp và y tế chất lượng cao.	-	-	1
Sản xuất, gia công, đóng gói các dụng cụ phục vụ ngành tạo mẫu như: Lược, lô cuốn tóc, khăn, găng tay, mũ trùm đầu, túi, bình xịt, khay trộn màu,...	-	-	1
11	-	-	1
12 Sản xuất ví tiền, thắt lưng, túi xách bằng da	-	1	1
Phân theo một số nước và vùng lãnh thổ			
1 Đài Loan	-	1	2
2 Hong Kong	-	-	1
3 Canada	-	-	1
4 Hàn Quốc	-	-	3
5 Nhật Bản	-	-	5

(*) Số liệu tại thời điểm 31/10/2022.

6. Vốn đăng ký của dự án đầu tư nước ngoài được cấp phép mới trên địa bàn

	Số vốn tháng 9/2022 (Triệu USD)	Số vốn tháng 10/2022 (Triệu USD)	Lũy kế 10 tháng năm 2022 (* (Triệu USD)
TỔNG SỐ	-	3,8	78,7
Phân theo ngành kinh tế			
1 Sản xuất thiết bị truyền thông	-	-	30,0
2 Sản xuất, gia công bộ nguồn chuyển mạch, dây cáp hiệu suất cao; Bộ sạc nguồn cho các thiết bị truyền thông, y tế, máy biến áp tần số cao; bộ nguồn cung cấp điện cho đèn led; Thực hiện quyền xuất khẩu, quyền nhập khẩu, quyền phân phối bán buôn (không lập cơ sở bán buôn)	-	-	0,5
3 Kinh doanh thương mại, dịch vụ (Trung tâm thương mại)	-	-	13,3
4 Sản xuất sản phẩm mỹ phẩm và thiết bị làm đẹp	-	-	0,5
5 Sản xuất và gia công dây bộ dẫn điện và các loại dây cáp dùng cho ô tô	-	-	0,6
6 Sản xuất, gia công dải kim loại	-	-	14,6
7 Sản xuất hàng may mặc (gồm quần áo Jacket, quần áo dệt kim, đan móc)	-	-	7,0
8 Sản xuất, gia công các loại bao bì đóng gói, bao bì vận tải từ giấy Sản xuất vật liệu chăm sóc sức khỏe: bông tắm bọt biển, bông tắm vệ sinh răng miệng Gia công, lắp ráp, đóng gói sản phẩm theo yêu cầu của khách hàng Hoạt động thương mại và xuất nhập khẩu, dịch vụ	-	-	0,5
9 Sản xuất linh kiện sản phẩm rèn, dập, ép mục đích sử dụng gia dụng và công nghiệp; Sản xuất khuôn mẫu, gig, đồ gá, linh kiện cơ khí các loại; gia công, lắp ráp, đóng gói theo yêu cầu; sản xuất xuất khẩu các sản phẩm phụ trợ cho ngành công nghiệp theo yêu cầu; hoạt động thương mại dịch vụ.	-	-	1,0
10 Sản xuất và cung cấp các loại khí công nghiệp và y tế chất lượng cao.	-	-	1,0
11 Sản xuất, gia công, đóng gói các dụng cụ phục vụ ngành tạo mẫu như: Lược, lô cuốn tóc, khăn, găng tay, mũ trùm đầu, túi, bình xịt, khay trộn màu,...	-	-	6,0
12 Sản xuất ví tiền, thắt lưng, túi xách bằng da	-	3,8	3,8
Phân theo một số nước và vùng lãnh thổ			
1 Đài Loan	-	3,8	33,8
2 Hong Kong	-	-	0,5
3 Canada	-	-	0,5
4 Hàn Quốc	-	-	13,6
5 Nhật Bản	-	-	30,4

(*) Số liệu tại thời điểm 31/10/2022.

7. Tổng mức bán lẻ hàng hóa và doanh thu dịch vụ Tháng 11 năm 2022

ĐVT: Triệu đồng

	Thực hiện	Ước tính	Cộng dồn	So với cùng kỳ	
	tháng 10	tháng 11	11 tháng	năm trước (%)	
	năm	năm	năm	Tháng 11	11 tháng
	2022	2022	2022	năm 2022	năm 2022
TỔNG SỐ	3.740.818,0	3.775.150,0	37.187.933,8	146,9	130,8
1. Bán lẻ hàng hóa	3.151.053,0	3.185.446,9	30.858.655,2	147,0	130,7
2. Dịch vụ lưu trú, ăn uống	258.583,9	264.961,0	2.525.374,9	181,9	147,6
3. Dịch vụ du lịch lữ hành	36.126,8	35.978,7	303.514,8	9.811,5	3.109,8
4. Dịch vụ khác	295.054,3	288.763,3	3.500.388,9	112,2	113,2

8. Tổng mức bán lẻ hàng hóa Tháng 11 năm 2022

ĐVT: Triệu đồng

	Thực hiện	Ước tính	Cộng dồn	So với cùng kỳ	
	tháng 10	tháng 11	11 tháng	năm trước (%)	
	năm	năm	năm	Tháng 11	11 tháng
	2022	2022	2022	năm 2022	năm 2022
TỔNG SỐ	3.151.053,1	3.185.446,9	30.858.655,2	147,0	130,7
- Lương thực, thực phẩm	1.176.552,4	1.213.926,2	10.712.918,6	165,3	140,1
- Hàng may mặc	126.822,5	132.305,9	1.218.366,4	134,6	112,6
- Đồ dùng, dụng cụ, trang thiết bị gia đình	222.413,6	232.272,3	2.819.095,5	94,3	102,9
- Vật phẩm, văn hoá, giáo dục	33.939,5	33.284,8	256.431,1	191,9	138,9
- Gỗ và vật liệu xây dựng	919.732,2	885.114,5	8.336.149,7	184,6	157,7
- Ô tô con (dưới 9 chỗ ngồi)	51.127,9	62.352,1	590.794,6	172,7	132,0
- Phương tiện đi lại (trừ ô tô con kể cả phụ tùng)	156.283,0	160.180,1	1.680.026,4	153,6	136,0
- Trong đó: xe đạp và phụ tùng xe đạp	5.130,6	4.968,0	49.277,7	136,6	90,7
- Xăng, dầu các loại	139.503,1	139.848,8	1.718.712,6	71,0	85,6
- Nhiên liệu khác (trừ xăng dầu)	60.791,3	61.743,5	596.927,4	149,5	131,4
- Đá quý, kim loại quý và sản phẩm	89.171,3	91.677,8	914.358,7	139,9	105,2
- Hàng hoá khác	121.399,5	120.036,2	1.326.258,5	121,5	121,0
- Doanh thu dịch vụ sửa chữa ô tô, mô tô, xe máy và xe có động cơ khác	53.316,9	52.704,7	688.615,6	109,4	122,8

9. Doanh thu dịch vụ lưu trú, ăn uống, du lịch lữ hành và dịch vụ khác

Tháng 11 năm 2022

ĐVT: Triệu đồng

	Thực hiện	Ước tính	Cộng dồn	So với cùng kỳ	
	tháng 10	tháng 11	11 tháng	năm trước (%)	
	năm	năm	năm	Tháng 11	11 tháng
	2022	2022	2022	năm 2022	năm 2022
Dịch vụ lưu trú, ăn uống	258.583,9	264.961,0	2.525.374,9	181,9	147,6
Dịch vụ lưu trú	15.275,4	14.475,0	158.010,6	191,4	196,4
Dịch vụ ăn uống	243.308,5	250.486,1	2.367.364,3	181,4	145,2
Du lịch lữ hành	36.126,8	35.978,7	303.514,8	9.811,5	3.109,8
Dịch vụ khác	295.054,3	288.763,3	3.500.388,9	112,2	113,2

10. Chỉ số giá tiêu dùng, chỉ số giá vàng, chỉ số giá đô la Mỹ

Tháng 11 năm 2022

ĐVT: %

	Tháng 11 năm 2022 so với				Bình quân
	Kỳ	Tháng 11	Tháng 12	Tháng 10	11 tháng
	gốc	năm	năm	năm	năm 2022
	(2019)	2021	2021	2022	so với cùng kỳ năm 2021
CHỈ SỐ GIÁ TIÊU DÙNG	109,87	103,44	103,53	99,95	103,36
Hàng ăn và dịch vụ ăn uống	113,61	107,38	107,17	98,64	102,71
<i>Trong đó:</i> Lương thực	110,07	100,82	100,50	99,22	100,71
Thực phẩm	115,15	109,69	109,48	98,20	103,33
Ăn uống ngoài gia đình	110,01	103,19	103,06	100,07	101,75
Đồ uống và thuốc lá	104,39	101,88	101,88	99,34	101,50
May mặc, mũ nón và giày dép	108,56	101,58	101,43	100,00	104,53
Nhà ở và vật liệu xây dựng	114,61	100,34	100,49	100,25	103,64
Thiết bị và đồ dùng gia đình	106,37	103,38	102,97	100,65	103,09
Thuốc và dịch vụ y tế	101,96	100,00	100,00	99,99	100,01
<i>Trong đó:</i> Dịch vụ y tế	102,44	100,00	100,00	100,00	100,00
Giao thông	113,68	103,43	105,58	103,27	114,42
Bưu chính viễn thông	97,25	99,92	99,88	100,00	99,91
Giáo dục	105,60	103,36	103,36	100,00	101,22
<i>Trong đó:</i> Dịch vụ giáo dục	103,75	102,47	102,47	100,00	100,79
Văn hoá, giải trí và du lịch	101,20	101,73	101,73	99,97	100,90
Hàng hóa và dịch vụ khác	107,16	102,41	102,36	101,18	101,49
CHỈ SỐ GIÁ VÀNG	134,97	100,25	100,24	100,00	102,79
CHỈ SỐ GIÁ ĐÔ LA MỸ	103,91	106,08	105,18	100,00	101,74

11. Doanh thu vận tải, kho bãi và dịch vụ hỗ trợ vận tải
Tháng 11 năm 2022

ĐVT: Triệu đồng

	Thực hiện tháng 10 năm 2022	Ước tính tháng 11 năm 2022	Cộng dồn 11 tháng năm 2022	Tháng 11 năm 2022 so với tháng 10 năm 2022 (%)	Tháng 11 năm 2022 so với cùng kỳ năm trước (%)	Cộng dồn 11 tháng so với cùng kỳ năm trước (%)
TỔNG SỐ	533.692,0	541.563,2	4.664.818,3	101,5	209,5	122,3
Vận tải hành khách	34.629,5	35.010,5	329.010,9	101,1	531,7	137,2
Đường sắt	-	-	-	-	-	-
Đường thủy nội địa	-	-	-	-	-	-
Đường bộ	34.629,5	35.010,5	329.010,9	101,1	531,7	137,2
Vận tải hàng hóa	494.733,3	502.154,3	4.291.599,8	101,5	201,6	121,5
Đường sắt	-	-	-	-	-	-
Đường thủy nội địa	11.219,8	11.388,1	97.326,7	101,5	203,1	118,2
Đường bộ	483.513,5	490.766,2	4.194.273,1	101,5	201,6	121,5
Dịch vụ hỗ trợ vận tải	4.329,2	4.398,4	44.207,6	101,6	152,9	106,5

12. Vận tải hành khách và hàng hoá

Tháng 11 năm 2022

	Thực hiện tháng 10 năm 2022	Ước tính tháng 11 năm 2022	Cộng dồn 11 tháng năm 2022	Tháng 11 năm 2022 so với tháng 10 năm 2022 (%)	Tháng 11 năm 2022 so với cùng kỳ năm trước (%)	Cộng dồn 11 tháng so với cùng kỳ năm trước (%)
A. HÀNH KHÁCH						
I. Vận chuyển (Nghìn HK)	560,9	566,5	5.275,0	101,0	583,5	128,7
Đường sắt	-	-	-	-	-	-
Đường thủy nội địa	-	-	-	-	-	-
Đường bộ	560,9	566,5	5.275,0	101,0	583,5	128,7
II. Luân chuyển (Ngh.lượt HK.km)	40.350,3	40.834,5	380.540,3	101,2	633,5	128,9
Đường sắt	-	-	-	-	-	-
Đường thủy nội địa	-	-	-	-	-	-
Đường bộ	40.350,3	40.834,5	380.540,3	101,2	633,5	128,9
B. HÀNG HÓA						
I. Vận chuyển (Nghìn tấn)	4.853,1	4.921,0	42.071,0	101,4	199,1	113,7
Đường sắt	-	-	-	-	-	-
Đường thủy nội địa	184,8	187,4	1.602,0	101,4	199,2	97,4
Đường bộ	4.668,3	4.733,6	40.469,0	101,4	199,1	114,5
II. Luân chuyển (Nghìn tấn.km)	216.404,2	219.433,8	1.893.372,5	101,4	195,8	115,1
Đường sắt	-	-	-	-	-	-
Đường thủy nội địa	8.085,3	8.198,4	70.739,9	101,4	192,9	101,2
Đường bộ	208.318,9	211.235,4	1.822.632,6	101,4	196,0	115,8

13. Thu ngân sách Nhà nước trên địa bàn

	<i>ĐVT: Triệu đồng; %</i>				
	Thực hiện 10 tháng năm 2022	Ước 11 tháng năm 2022	11 tháng năm 2022 so với cùng kỳ (%)	11 tháng năm 2022 so với dự toán ĐP (%)	Cơ cấu 11 tháng năm 2022 (%)
THU CÂN ĐỐI NSNN TRÊN ĐỊA BÀN	10.730.976	12.122.000	95,1	97,6	100,0
I. Thu nội địa	9.426.384	10.622.000	94,5	100,0	87,6
Thu từ doanh nghiệp nhà nước	611.708	622.000	88,6	82,9	5,1
Thu từ doanh nghiệp đầu tư nước ngoài	2.992.451	3.300.000	81,0	77,8	27,2
Thu từ khu vực công, thương nghiệp ngoài QĐ	1.476.624	1.646.000	94,1	113,5	13,6
Thuế thu nhập cá nhân	652.265	671.500	110,2	111,9	5,5
Thuế bảo vệ môi trường	193.933	194.000	59,3	57,1	1,6
Thu phí, lệ phí	488.496	518.152	91,4	99,6	4,3
<i>Trong đó: Lệ phí trước bạ</i>	<i>222.815</i>	<i>240.000</i>	<i>117,7</i>	<i>94,1</i>	<i>2,0</i>
Các khoản thu về nhà, đất	2.571.518	3.178.348	116,3	131,7	26,2
Thu xổ số kiến thiết (bao gồm cả xổ số điện toán)	38.501	39.000	95,1	156,0	0,3
Thu tiền cấp quyền khai thác khoáng sản	202.394	220.000	88,9	133,3	1,8
Thu khác ngân sách	176.894	210.000	127,8	221,1	1,7
Thu từ quỹ đất công ích và thu hoa lợi công sản khác	21.600	23.000	99,4	37,1	0,2
Thu hồi vốn, thu cổ tức, lợi nhuận, lợi nhuận sau thuế, chênh lệch thu, chi của ngân sách nhà nước	-	-	-	-	0,0
II. Thu về dầu thô	-	-	-	-	-
III. Thu hoạt động xuất nhập khẩu	1.304.592	1.500.000	99,4	83,6	12,4
IV. Thu viện trợ	-	-	-	-	-

14. Chi ngân sách Nhà nước địa phương

ĐVT: Triệu đồng; %

	Thực hiện 10 tháng năm 2022	Ước 11 tháng năm 2022	11 tháng năm 2022 so với cùng kỳ (%)	11 tháng năm 2022 so với dự toán ĐP (%)	Cơ cấu 11 tháng năm 2022 (%)
CHI CÂN ĐỐI NGÂN SÁCH					
NHÀ NƯỚC	8.329.000	9.207.109	109,0	91,7	100,0
I. Chi đầu tư phát triển	2.493.000	2.678.109	92,2	92,4	29,1
II. Chi trả nợ lãi	-	-	-	-	-
III. Chi tạo nguồn điều chỉnh lương	-	-	-	-	-
IV. Chi thường xuyên	5.757.000	6.428.000	119,4	92,5	69,8
Chi an ninh, quốc phòng	159.000	175.000	155,4	92,1	1,9
Chi sự nghiệp giáo dục - đào tạo, dạy nghề	2.015.000	2.235.000	106,4	92,3	24,3
Chi sự nghiệp y tế, dân số và kế hoạch hóa gia đình	472.400	500.000	163,7	88,2	5,4
Chi khoa học, công nghệ	23.000	28.000	98,9	87,7	0,3
Chi văn hóa, thông tin	62.000	70.000	79,5	90,0	0,8
Chi sự nghiệp phát thanh, truyền hình, thông tấn	34.000	38.000	69,9	91,9	0,4
Chi thể dục, thể thao	20.000	22.500	133,9	90,5	0,2
Chi sự nghiệp bảo vệ môi trường	207.000	224.600	187,0	90,5	2,4
Chi sự nghiệp kinh tế	980.000	1.100.000	96,9	89,9	11,9
Chi quản lý hành chính, Đảng, đoàn thể	867.000	900.000	97,5	122,1	9,8
Chi sự nghiệp đảm bảo xã hội	720.000	920.000	262,9	79,9	10,0
Chi trợ giá mặt hàng chính sách	-	-	-	-	-
Chi khác	197.600	214.900	143,3	90,4	2,3
V. Chi bổ sung quỹ dự trữ tài chính	1.000	1.000	100	100	0,0
VI. Chi dự phòng ngân sách	78.000	100.000	66,7	52,1	1,1

15. Trật tự, an toàn xã hội

Tháng 11 (Từ ngày 15/10/2022 đến 14/11/2022)

	Tháng 11/2022	11 tháng năm 2022	Tháng 11 năm 2022 so với tháng 11 năm 2021	11 tháng năm 2022 so với 11 tháng năm 2021
Tai nạn giao thông				
Số vụ tai nạn giao thông (Vụ)	17	101	113,3	100,0
Đường bộ	16	96	114,3	97,0
Đường sắt	1	5	100,0	250,0
Đường thủy	-	-	-	-
Số người chết (Người)	12	62	150,0	105,1
Đường bộ	11	59	157,1	103,5
Đường sắt	1	3	100,0	150,0
Đường thủy	-	-	-	-
Số người bị thương (Người)	7	58	77,8	98,3
Đường bộ	7	57	77,8	96,6
Đường sắt	-	1	-	-
Đường thủy	-	-	-	-
Cháy, nổ				
Số vụ cháy, nổ (Vụ)	-	5	-	100,0
Số người chết (Người)	-	1	-	-
Số người bị thương (Người)	-	3	-	-
Tổng giá trị tài sản thiệt hại ước tính (Triệu đồng)	-	4	-	3,2

Ghi chú: Số liệu cộng dồn 11 tháng tính từ 15/12/2021 đến 14/11/2022